TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày: 14/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Anh.

Bà Nguyễn Thị Chung.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: ông Ngô Thọ Pha - kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 01/8/2017 đối với các bị cáo:

1/ Lê Đình C, sinh 1993; Nơi cư trú: thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Lê Đình H, sinh 1960; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh 1959; Vợ: Bùi Hà M, sinh 1997, chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 22/9/2016 bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm 03 tháng tù về các tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm - Tổng cục VIII - Bộ công an; Có mặt tại phiên tòa.

2/ Tô Văn T, sinh 1993; Nơi cư trú: thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Tô Văn T, sinh 1967; Con bà: Lê Thị N, sinh 1974; Vợ: Uông Thị L, sinh 1996, có 01 con sinh 2013; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến 22/6/2/2017 chuyển tạm giam; Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Quảng Xương; Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Phạm Thị H, sinh 1991.

Trú tại: thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn D, sinh 1984.

Trú tại: SN 01, phố M, xã Q, thành phố T.

Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Lê Đình C, Tô Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền chi tiêu, Lê Đình C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 7h sáng ngày 19/7/2015, khi đi ra đến cổng nhà mình Châu gặp Tô Văn T là bạn ở cùng thôn. Gặp T, C nói: "Không có tiền tiêu, tao với mày đi kiếm cái gì lấy trộm bán lấy tiền tiêu", nghe vậy T đồng ý và hỏi C: "Thế đi lấy trộm ở đâu", C bảo: "Bây giờ ta đi vào huyện N". T điều khiển xe máy Wave an pha màu trắng BKS 36B4-036.42 (xe của T) chở C ngồi phía sau đi sang huyện N để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cánh đồng lúa thuộc thôn 7, xã Q, huyện Q, cả hai phát hiện hiện thấy một chiếc xe máy Sirisu BKS 36B3-844.91 đang dựng ở cống sông, rìa đường bê tông. C nói với T đi lại gần chỗ dựng xe, khi cách khoảng 3-4m T dừng xe cho C xuống, để ý xung quanh không thấy ai, chỉ có hai người phụ nữ (chị Phạm Thị H và bà Lê Thị T trú tại thôn 7, xã Q, huyện Q) đang làm cỏ lúa dưới ruộng cách chỗ dựng xe khoảng 40m. C nói với T "Mi ngồi đây trông người, nếu phát hiện có ai thì báo cho tao biết, tao lại lấy trộm chiếc xe kia". Nói xong, C đi lại nơi dựng xe, dùng vam phá khóa hình chữ L đã chuẩn bị từ trước phá khóa điện, nổ máy xe rồi cùng T bỏ chạy về hướng đi huyện N. Phát hiện thấy có kẻ gian lấy trộm xe của mình, chị H và bà T hô la "Trộm., trộm …" và đuổi theo nhưng không kịp.

Trên đường bỏ chạy, khi đi đến đoạn đường cảm thấy an toàn, C và T dừng xe, mở cốp xe vừa trộm cắp kiểm tra, thấy có 01 đăng ký mô tô BKS 36B6-844.91, 01 CMND và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Thị H ở địa chỉ: thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. C vứt CMND và Giấy phép lái xe của chị H rồi điều khiển xe đi về nhà mình. Đến khoảng 15h ngày 20/7/2015, C nói dối vợ mình là Bùi Hà M: "Chiếc xe máy Sirius này thằng bạn nhờ anh đi bán, em đi cùng chở anh về", nghe vậy chị M lấy xe đi cùng C lên xã Q, thành phố T để C tìm nơi bán xe. Lên đến phố M, xã Q, thành phố T chị M đứng chờ ở ngoài, C vào nhà anh Lê Văn D hỏi bán xe, C nói với anh D đây là xe của chị dâu nhờ bán hộ. Thấy xe có đăng ký, sau khi kiểm tra CMND của C, anh D tin lời C và đồng ý mua xe với giá 13.000.000đ. Sau khi bán xe, C ra bảo chị M chở C về nhà, về đến cổng nhà mình C gặp T thì đưa cho T 3.000.000đ rồi nói: "Đây là tiền bán xe tao với mày trộm cắp được", số tiền còn lại C tiêu xài cá nhân hết.

Anh Lê Văn D sau khi mua xe của C đã bán lại chiếc xe cho anh Hà Văn H (sinh 1977, ở thôn C, xã Q, thành phố S) với giá 14.000.000đ. Đến ngày 03/3/2017, anh H được cơ quan công an thông báo chiếc xe Sirius BKS 36B3-844.91 anh mua của anh D là tang vật của vụ án, anh H đã giao nộp chiếc xe cho Cơ quan công an phục vụ công tác điều tra. Anh Lê Văn D đã hoàn trả lại số tiền mua xe 14.000.000đ cho anh H, anh H đã nhận lại đủ tiền và không có yêu cầu gì khác.

Sau khi phạm tội, Lê Đình C ra Hà Nội làm ăn, đã thực hiện nhiều hành vi cướp giật và trộm cắp tài sản. Ngày 22/9/2016 bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt

08 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản", hiện đang chấp hành án tại giam Thanh Lâm - Tổng cục VIII - Bộ công an.

Tô Văn T ra thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm ăn. Khi phát hiện vụ án, cơ quan điều tra đã triệu tập, thông báo T đến làm việc nhiều lần, được gia đình thông báo và động viên nhưng T trốn tránh. Ngày 12/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Quảng Xương đã ra lệnh truy nã đối với Tô Văn T. Ngày 16/6/29017, Tô Văn T đến cơ quan điều tra - Công an huyện Q đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo báo cáo của chị Phạm Thị H: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 36B3-844.91 là xe của chị, tại thời điểm bị mất trị giá khoảng 15.000.000đ. Ngày 20/3/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Q định giá chiếc xe trị giá 17.800.000đ. Ngày 19/4/2017, chị H viết giấy ủy quyền cho bố chồng là ông Lê Thanh H đến nhận lại xe. Ngày 20/4/2017 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cùng đăng ký xe cho ông Lê Thanh H, ông H đã nhận lại xe, đăng ký và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với anh Lê Văn D và Hà Văn H, khi mua chiếc xe trên không biết đó là tài sản phạm tội mà có, vì vậy không có cơ sở xử lý.

Đối với Bùi Hà M, khi đi cùng C đến nhà anh D bán xe M không biết đó là xe do phạm tội mà có, chỉ đi cùng để chở C về, nên không có cơ sở xử lý đối với M.

Số tiền 13.000.000đ anh D bỏ ra mua xe của C, anh D yêu cầu C phải trả lại cho anh D số tiền này.

Chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 36B4-036.42 màu trắng T sử dụng chở C đi trộm cắp tài sản là xe của T. Sau khi phạm tội, T mang ra thị xã T, Bắc Ninh làm phương tiện đi lại thì bị mất trộm, T không báo cáo việc bị mất trộm với cơ quan công an nên cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe.

Chiếc vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L sau khi trộm cắp tại Thanh Hóa, C mang ra Hà Nội sử dụng để trộm cắp và cướp giật tài sản đã bị công an quận T bắt và thu giữ.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-KSĐT ngày 01/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Lê Đình C, Tô Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình C từ 12 đến 15 tháng tù tính, tổng hợp hình phạt với bản án HSPT số 967 ngày 22/9/2016 của TAND thành phố Hà Nội, buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản, thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 BLHS:

Xử phạt: bị cáo Tô Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về dân sự: buộc các bị cáo Lê Đình C, Tô Văn T phải liên đới hoàn trả cho anh Lê Văn D số tiền 13.000.000đ, trong đó bị cáo Lê Đình C phải hoàn trả 10.000.000đ, Tô Văn T bồi thường 3.000.000đ. Ngày 11/9/2017, bị cáo Tô Văn T đã hoàn trả cho anh D số tiền 3.000.000đ, chấp nhận Tô Văn T đã bồi hoàn xong cho anh D.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: do không có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Đình C đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu. Khoảng 7h sáng ngày 19/7/2015, C gặp T ở cổng nhà mình liền rủ T cùng đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe máy của mình chở C sang huyện N trộm cắp. Khi đi đến cánh đồng lúa thuộc thôn 7, xã Q, huyện Q thì phát hiện thấy một chiếc xe máy Sirisu BKS 36B3-844.91 đang dựng ở cống sông, rìa đường bê tông. C nói T đi lại gần chỗ dựng xe, để ý xung quanh không thấy ai, chỉ có chị Phạm Thị H và bà Lê Thị T đang làm cỏ lúa dưới ruộng cách chỗ dựng xe khoảng 40m. T ngồi trên xe cảnh giới, C đi lại dùng vam phá khóa hình chữ L phá khóa điện, nổ máy xe rồi cùng T bỏ chạy về hướng đi huyện N. Đến đoạn đường cảm thấy an toàn, C và T dừng xe, mở cốp kiểm tra thấy có 01 đăng ký mô tô BKS 36B6-844.91, 01 CMND và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Thị H ở địa chỉ: thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. C vứt CMND và Giấy phép lái xe của chị H rồi điều khiển xe đi về nhà mình. Đến khoảng 15h ngày 20/7/2015, C nói dối vợ mình là Bùi Hà M chiếc xe là của thằng bạn nhờ bán, nhờ M đi cùng để chở C về. C bán xe cho anh Lê Văn D lấy 13.000.000đ. Sau khi bán xe, C về gặp T đã đưa cho T 3.000.000đ, số tiền còn lại C tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe các bị cáo trộm cắp của chị Phạm Thị H trị giá 17.800.000đ.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; trên kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 BLHS, như cáo trạng của VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án: do cần tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản của mình, để xe cách xa nơi làm việc, các bị cáo đã

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe máy) của chị H, gây thiệt hại về tài sản cho công dân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, không chịu lao động chân chính, ăn chơi đua đòi dẫn đến có hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo: đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Đình C là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T tham gia và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, hưởng lợi nhiều hơn, nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Bị cáo Tô Văn T tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, dùng xe máy chở C đi và cảnh giới cho C thực hiện hành vi trộm cắp nên có vai trò sau bị cáo C.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (bị cáo Lê Đình C hiện đang chấp hành hình phạt của bản án HSPT số 967 ngày 22/9/2016 của TAND thành phố Hà Nội, nhưng hành vi phạm tội bị xét xử lần này bị cáo thực hiện trước các hành vi phạm tội bị xét xử tại bản án nói trên); quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo Tô Văn T sau khi phạm tội đi làm ăn xa, được cơ quan điều tra thông báo, ra quyết định truy nã đã hối hận với việc làm của mình, đến cơ quan công an đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; Chị Phạm Thị H là người bị hại bị thiệt hại về tài sản có đơn đề nghị HĐXX xem xét giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Lê Đình C giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi vi phạm ra Hà Nội làm ăn vẫn tiếp tục thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật, chứng tỏ bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, thực hiện nhiều hành vi vi phạm, ở nhiều địa phương khác nhau, làm mất trật tự trị an xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, vì vậy cần phải cách ly khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Tô Văn T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức do bị rủ rê lôi kéo; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng

ổn định; ngoài lần phạm tội này không có vi phạm gì khác, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; sau khi bị truy nã đã nhận ra lầm lỗi của mình, quay về đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi vi phạm; tại phiên tòa thể hiện sự quyết tâm sửa chữa lỗi lầm. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Hiện nay bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, nên cần áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo Lê Đình C hiện đang chấp hành hình phạt tù theo bản án HSPT số 967 ngày 22/9/2016 của TAND thành phố Hà Nội thì bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án đang chấp hành, nên Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung của 02 bản án theo quy định của Điều 51 BLHS. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2017) bị cáo đã chấp hành được 01 năm 08 tháng 06 ngày tù, vì vậy thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Phạm Thị H đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

- Số tiền 13.000.000đ anh Lê Văn D mua xe của C, C đưa cho T 3.000.0000đ, C sử dụng 10.000.000đ, nay anh D yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho anh. Khi mua xe của C, anh D không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy yêu cầu của anh D là có căn cứ chấp nhận, buộc các bị cáo phải liên đới hoàn trả cho anh D số tiền này, chia phần: bị cáo Lê Đình C 10.000.000đ, bị cáo Tô Văn T 3.000.000đ. Ngày 11/9/2017, bị cáo Tô Văn T đã hoàn trả cho anh D số tiền 3.000.000đ, chấp nhận Tô Văn T đã bồi hoàn xong cho anh D.

Tang vật: chiếc xe mô tô Sirius BKS 36B3-844.91 các bị cáo trộm cắp của chị Phạm Thị H là tang vật của vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là đúng quy định pháp luật.

Chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 36B4-036.42 màu trắng của T sử dụng chở C đi trộm cắp tài sản, sau khi phạm tội, T mang ra thị xã T, Bắc Ninh làm phương tiện đi lại thì bị mất trộm, T không báo cáo sự việc nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Chiếc vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L sau khi trộm cắp tại Thanh Hóa, C mang ra Hà Nội sử dụng để trộm cắp đã bị công an quận Tây Hồ thu giữ.

Qua xác minh của cơ quan điều tra, bị cáo C đang chấp hành án, bị cáo T hiện đang ở cùng gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Lê Đình C, Tô Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình C 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 08 năm 03 tháng tù của bản án HSPT số 967 ngày 22/9/2016 của TAND thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/9/2017), được trừ đi 01 năm 08 tháng 06 ngày tù bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: bị cáo Tô văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hiện bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, quyết định trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Giao bị cáo Tô Văn T cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Tô Văn T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về dân sự: áp dụng Điều 42 BLHS.

Buộc các bị cáo Lê Đình C, Tô Văn T phải liên đới hoàn trả cho anh Lê Văn D số tiền 13.000.000, chia phần: bị cáo C 10.000.000đ, bị cáo T 3.000.000đ.

Chấp nhận bị cáo Tô Văn T đã hoàn trả đủ cho anh D.

Buộc bị cáo Lê Đình C có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh Lê Văn D 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn).

Áp dụng: Khoản 1, 2 Điều 99; Điều 231, 234 BLTTHS; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I, Điểm a Tiểu mục 1.3 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình C còn phải nộp 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm .

Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại (chị Phạm Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo Lê Đình C chưa thi hành khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;.
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục THA huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà